

THÔNG BÁO ĐIỂM TRÚNG TUYỂN NGUYỆN VỌNG 1
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC – CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2014

STT	Ngành	Mã ngành	Khối thi	Điểm trúng tuyển
I Đào tạo trình độ đại học				
A/ Các ngành đào tạo đại học sư phạm				
1.	Giáo dục Mầm non	D140201	M	14,5
2.	Giáo dục Tiểu học	D140202	A	15,0
			C	15,0
			D1	15,0
3.	Giáo dục Chính trị	D140205	A	13,0
			C	13,0
			D1	13,0
4.	Giáo dục Thể chất (*)	D140206	T	17,0
5.	ĐHSP Toán (THPT)	D140209	A	17,0
			A1	17,0
6.	ĐHSP Hoá học (THPT)	D140212	A	13,0
			B	14,0
7.	ĐHSP Ngữ văn (THPT)	D140217	C	13,0
			D1	13,0
8.	ĐHSP Địa lí	D140219	A	13,0
			C	13,0
9.	ĐHSP Tiếng Anh (*)	D140231	D1	17,0
B/ Các ngành đào tạo đại học (ngoài sư phạm)				
10.	Cử nhân Việt Nam học	D220113	C	13,0
			D1	13,0
11.	Ngôn ngữ Tiếng Anh (*)	D220201	D1	16,5
12.	Ngôn ngữ Tiếng Trung (*)	D220204	D1	16,5
			D4	16,5
13.	Cử nhân Lịch sử	D220310	C	13,0
			D1	13,0
14.	Cử nhân Văn học	D220330	C	13,0
			D1	13,0
15.	Cử nhân Kinh tế	D310101	A	13,0
			A1	13,0
			D1	13,0
16.	Cử nhân Quản trị Kinh doanh	D340101	A	13,0
			A1	13,0
			D1	13,0
17.	Cử nhân Tài chính – Ngân hàng	D340201	A	13,0
			A1	13,0
			D1	13,0
18.	Cử nhân Kế toán	D340301	A	13,5
			A1	13,5
			D1	13,5

STT	Ngành	Mã ngành	Khối thi	Điểm trúng tuyển
19.	Sinh học	D420101	A	13,0
			B	14,0
20.	Công nghệ sinh học	D420201	A	13,0
			B	14,0
21.	Cử nhân Toán học	D460101	A	13,0
			A1	13,0
22.	Truyền thông và mạng máy tính	D480102	A	13,0
			A1	13,0
23.	Hệ thống thông tin	D480104	A	13,0
			A1	13,0
24.	Công nghệ thông tin	D480201	A	13,0
			A1	13,0
25.	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	D510103	A	13,0
			A1	13,0
26.	Công nghệ chế tạo máy cơ khí	D510202	A	13,0
			A1	13,0
27.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	D510203	A	13,0
			A1	13,0
28.	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	D510301	A	13,0
			A1	13,0
29.	Công nghệ kỹ thuật hóa	D510401	A	13,0
			B	14,0
30.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	D520216	A	13,0
			A1	13,0
31.	Kiến trúc (*)	D580102	V	16,0
32.	Khoa học cây trồng	D620110	A	13,0
			B	14,0
33.	Cử nhân Công tác xã hội	D760101	C	13,0
			D1	13,0
II Đào tạo trình độ cao đẳng				
34.	CD Giáo dục mầm non	C140201	M	10,0
35.	CDSP Vật lý	C140211	A	10,0
			A1	10,0
36.	CDSP Hóa học	C140212	A	10,0
			B	11,0
37.	CDSP Ngữ Văn	C140217	C	10,0
			D1	10,0
38.	CD Kinh tế	C310101	A	10,0
			A1	10,0
			D1	10,0
39.	CD Quản trị Kinh doanh	C340101	A	10,0
			A1	10,0
			D1	10,0
40.	CD Tài chính ngân hàng	C340201	A	10,0
			A1	10,0
			D1	10,0
41.	CD Kế toán	C340301	A	10,0
			A1	10,0
			D1	10,0

STT	Ngành	Mã ngành	Khối thi	Điểm trúng tuyển
42.	CD Quản trị Văn phòng	C340406	C	10,0
			D1	10,0
43.	CD Công nghệ Thông tin	C480201	A	10,0
			A1	10,0
44.	CD Công nghệ Kỹ thuật xây dựng	C510103	A	10,0
			A1	10,0
45.	CD Công tác xã hội	C760101	C	10,0
			D1	10,0

Ghi chú:

- Điểm trên là điểm trúng tuyển với đối tượng HSPT, khu vực 3 (KV3). Các khu vực kế tiếp giảm 0,5 điểm, các nhóm đối tượng ưu tiên kế tiếp giảm 1,0 điểm.
- Các ngành có dấu (*) là điểm được nhân hệ số.
- Các ngành sư phạm chỉ xét tuyển thí sinh có hộ khẩu Hải Phòng.
- Thí sinh sẽ nhận kết quả thi (Giấy báo nhập học, Giấy chứng nhận) tại nơi nộp hồ sơ ĐKDT.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Website Trường Đại học Hải Phòng;
- Dán Thông báo;
- Lưu HĐTS.

CHỦ TỊCH HĐTS – HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS.TS Phạm Văn Cường